TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**
----------	----------
Số: 19/2024/QĐST-VHNGĐ	*Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Đức Lập

Thư ký phiên họp: Bà Phạm Thị Trang – Thư ký viên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên họp: Bà Trịnh Thu Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc Hôn nhân & gia đình thụ lý số 291/2023/TLST VHNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2023 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*" theo Quyết định mở phiên họp số: 298/2023/QĐPH-ST ngày 10 tháng 01 năm 2024 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh N V Đ sinh năm 1994.

Địa chỉ tại Việt Nam: C 1, xã H M, huyện Đ P, thành phố H N.

Địa chỉ tại nước ngoài: đang làm việc và sinh sống tại H Q.

CMND số: ********* do Công an Hà Nội cấp ngày 16/06/2012.

Anh Đ có đơn xin vắng mặt

- Chị N T M, sinh năm 1994.

Địa chỉ: C 1, xã H M, huyện Đ P, thành phố H N.

Số căn cước công dân: ********** do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 01/11/2021. *Chị M có mặt tại phiên họp*

Anh N V Đ có ủy quyền cho chị N T M, sinh năm: 1995 (Địa chỉ thường trú: Thôn H P, xã Y C, huyện T Y, tỉnh Y B) nộp, nhận Văn bản tố tụng thay anh. *Chị M có mặt tại phiên họp*

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

**** Theo anh N V Đ trình bày*:**

Vợ chồng kết hôn trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đi đăng ký kết hôn và được UBND xã H M, huyện Đ P, thành phố H N cấp giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 08/01/2015.

Thời gian đầu kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, chúng tôi đã sống ly thân 03 năm nay. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do vợ chồng chúng tôi bất đồng quan điểm sống, tính cách của hai vợ chồng không thể hòa hợp, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không như ban đầu. Đến nay mâu thuẫn ngày càng thường xuyên và trầm trọng hơn, không có cách nào giải quyết, không còn có sự hạnh phúc hay chung mục tiêu hướng về nhau nữa.

Nay nhận thấy mâu thuẫn đã rất trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai không còn quan tâm đến nhau nên vợ chồng chúng tôi thông nhất thỏa thuận làm đơn này kính đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xem xét, giải quyết cho vợ chồng chúng tôi được ly hôn để hai bên sớm ổn định cuộc sống bản thân.

2. Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chúng tôi có 02 con chung là cháu N H B A sinh ngày 12/06/2015 và cháu N T T T sinh ngày 07/11/2016. Hiện nay, hai cháu đang sống cùng mẹ. Vậy sau ly hôn chúng tôi thống nhất đề nghị Tòa án giao 02 cháu N H B A và cháu N T T T cho mẹ là N T M trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc để thuận tiện cho công việc học hành, sinh hoạt của cháu, chúng tôi không có tranh chấp gì về quyền nuôi con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng; Vợ chồng thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Vợ chồng chúng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung và nghĩa vụ tài chính khác: Vợ chồng chúng tôi không có nợ chung và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Vấn đề khác: Do điều kiện công việc và vị trí địa lý xa xôi, không thể thu xếp về V N để trực tiếp làm thủ tục ly hôn nên tôi N V Đ xin được giải quyết vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, các phiên họp giải quyết ly hôn giữa vợ chồng chúng tôi, đề nghị tiến hành giám định chữ ký và dấu vân tay của tôi.

Anh Đ ủy quyền cho chị N T M nộp, nhận Văn bản tố tụng thay anh.

**** Theo chị N T M trình bày:***

Vợ chồng kết hôn trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đi đăng ký kết hôn và được UBND xã H M, huyện Đ P, thành phố H N cấp giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 08/01/2015.

Thời gian đầu kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, chúng tôi đã sống ly thân 03 năm nay. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do vợ chồng chúng tôi bất đồng quan điểm sống, tính cách của hai vợ chồng không thể hòa hợp, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không như ban đầu. Đến nay mâu thuẫn ngày càng thường xuyên và trầm trọng hơn, không có cách nào giải quyết, không còn có sự hạnh phúc hay chung mục tiêu hướng về nhau nữa.

Nay nhận thấy mâu thuẫn đã rất trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai không còn quan tâm đến nhau nên vợ chồng chúng tôi thống nhất thỏa thuận làm đơn này kính đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xem xét, giải quyết cho vợ chồng chúng tôi được ly hôn để hai bên sớm ổn định cuộc sống bản thân.

2. Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chúng tôi có 02 con chung là cháu N H B A sinh ngày 12/06/2015 và cháu N T T T sinh ngày 07/11/2016. Hiện nay, hai cháu đang sống cùng tôi. Vậy sau ly hôn chúng tôi thống nhất đề nghị tòa án giao 02 cháu N H B A và cháu N T T T cho tôi trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc để thuận tiện cho công việc học hành, sinh hoạt của cháu, chúng tôi không có tranh chấp gì về quyền nuôi con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng; Vợ chồng thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Vợ chồng chúng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung và nghĩa vụ tài chính khác: Vợ chồng chúng tôi không có nợ chung và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Tôi xin chịu toàn bộ án phí

Tại phiên họp:

- Chị N T M giữ nguyên ý kiến và quan điểm đã trình bày. Đến nay chị thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội công nhận thuận tình ly hôn giữa chị và anh Đ. Về con chung, chị M và anh Đ có 02 con chung là cháu N H B A sinh ngày 12/06/2015 và cháu N T T T sinh ngày 07/11/2016. Ly hôn anh Đ và chị M thống nhất để chị M

trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, về cấp dưỡng xin được tự thỏa thuận. Về tài sản và công nợ không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về lệ phí chị M xin chịu toàn bộ

- Anh N V Đ có đơn xin vắng mặt, anh Đ có ủy quyền cho chị N T M nhận văn bản tố tụng thay anh, chị M có mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

+ *Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng giải quyết việc dân sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã được thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

+ *Về nội dung vụ án*: Hôn nhân của anh N V Đ và chị N T M là hợp pháp. Đến nay hôn nhân của anh Đ và chị M đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đ và chị M; Về con chung: Anh Đ và chị M có 02 con chung là cháu N H B A sinh ngày 12/06/2015 và cháu N T T T sinh ngày 07/11/2016. Ly hôn anh Đ và chị M thống nhất để chị M trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung đề nghị Tòa án ghi nhận. Về mức cấp dưỡng các đương sự xin tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về tài sản và công nợ chung anh Đ và chị M không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về lệ phí ghi nhận sự tự nguyện của chị M xin nộp toàn bộ lệ phí Hôn nhân & gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ việc Hôn nhân & gia đình đã được thẩm tra, xem xét tại phiên họp, ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội nhận định:

[1] ***Về tố tụng:***

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh N V Đ và chị N T M kết hôn do tìm hiểu tự nguyện, có Đăng ký kết hôn ngày 08/01/2015 tại UBND xã H M, huyện Đ P, thành phố H N nên là hôn nhân hợp pháp. Việc anh Đ và chị M yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân & gia đình tại Tòa án là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự. Khi Tòa án thụ lý giải quyết việc Hôn nhân & Gia đình, anh N V Đ đang sinh sống và làm việc tại H Q nên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của anh N V Đ tại phiên họp: anh N V Đ vắng mặt nhưng đã có ý kiến và đơn trình bày xin giải quyết vắng mặt do chị M xuất trình. Đồng thời anh Đ đã có văn bản ủy quyền cho chị M nhận văn bản tố tụng thay anh. Do vậy, Tòa án mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân&Gia đình vắng mặt anh Đ theo quy định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] ***Về nội dung:***

Xét tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự, thể hiện anh N V Đ và chị N T M chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách của hai vợ chồng không thể hòa hợp, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không như ban đầu, anh chị đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn và được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng đến nay không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân được 03 năm nay, mỗi người một nơi, chị M sống và làm việc tại V N, anh Đ sống và làm việc tại H Q nên mâu thuẫn của anh chị không có điều kiện để hòa giải. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng của anh Đ và chị M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của anh N V Đ và chị N T M là chính đáng và phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Về con chung: Anh N V Đ và chị N T M có 02 con chung là cháu N H B A sinh ngày 12/06/2015 và cháu N T T T sinh ngày 07/11/2016. Ly hôn anh Đ và chị M thống nhất để chị M trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là cháu B A và cháu T T, về cấp dưỡng anh chị xin tự thỏa thuận. Xét thấy cháu B A và cháu T T hiện đang sống cùng chị M, các cháu được chị M nuôi dưỡng, chăm sóc và phát triển bình thường. Xét thấy việc thỏa thuận của anh Đ và chị M là tự nguyện và để tránh xáo trộn trong sinh hoạt của cháu B A và cháu T T, cần giao cháu B A và cháu T T cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và nguyện vọng của cháu B A và cháu T T, cũng như quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân & gia đình. Anh Đ có quyền đi lại, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Về mức cấp dưỡng nuôi con chung, chị M và anh Đ xin tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

- Về tài sản và công nợ chung: Chị N T M và anh N V Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về lệ phí việc Hôn nhân & gia đình: Ghi nhận sự tự nguyện của chị N T M xin chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc Hôn nhân &gia đình.

- *Bởi các lẽ trên;*

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 2 Điều 29; khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 149, khoản 2 Điều 367, Điều 371, Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Xử:

- Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh N V Đ và chị N T M.

- Về con chung: Anh N V Đ và chị N T M xác định có 02 con chung là cháu N H B A sinh ngày 12/06/2015 và cháu N T T T sinh ngày 07/11/2016. Ly hôn giao cháu N H B A và cháu N T T T cho chị N T M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác có hiệu lực pháp luật thay thế.

Anh N V Đ có quyền đi lại, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị M và anh Đ xin tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về tài sản và công nợ chung: Anh N V Đ và chị N T M không có và không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

- Về lệ phí việc Hôn nhân&gia đình: Chị N T M phải chịu 300.000đồng lệ phí việc Hôn nhân&gia đình, được trừ vào số tiền 300.000đồng dự phí đã nộp theo Biên lai số ****/**/******* ngày 13/12/2023 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

- Về việc thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy đinh tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay, không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND TP Hà Nội;*
- *Cục THADS TP Hà Nội*
- *Lưu Vp, HSVA;*

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Đức Lập